TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 26/10/2018.
V/v: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Thành Huế.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thủy Tiên
2. Bà Phạm Bích Loan

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Phong– Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Ea Súp mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 06 năm 2018 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXX-ST, ngày 25 tháng 9 năm 2018và Quyết định hoãn phiên tòa số: 145/2018/ QĐST-HNGĐ, ngày 11/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn Đ**,** sinh năm 1962. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1962. (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn C, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; Bản tự khai và biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hoàng Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ và bà Hoàng Thị N chung sống với nhau từ năm 1977, tại xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, nhưng không đăng ký kết hôn, ông Đ và bà N chung sống tự nguyện, không bị ai ép buộc. Năm 1999 vợ chồng ông chuyển vào sinh sống tại tỉnh Đắk Lắk, nhưng cũng không đăng ký kết hôn với nhau.

Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống, nên dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã, và xô xát lẫn nhau, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ

năm 2011 cho đến nay. Nay mâu thuẫn đã quá trầm trọng, kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nữa, không thể chung sống với nhau được nên ông Đ kiên quyết xin được ly hôn với bà N.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Văn Q, sinh năm 1986; Hoàng Văn H, sinh năm 1992 và Hoàng Thị H1, sinh năm1992. Hiện nay các con đã đủ tuổi trưởng thành và đã có gia đình riêng nên ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Ông Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai; Biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Hoàng Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N với ông Định chung sống với nhau từ năm 1977, tại xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, nhưng không đăng ký kết hôn, ông Đ và bà N chung sống tự nguyện, không bị ai ép buộc. Năm 1999 vợ chồng bà chuyển vào sinh sống tại tỉnh Đắk Lắk, nhưng cũng không đăng ký kết hôn với nhau. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình quan điểm không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, không có sự quan tâm chia sẽ, hay xảy ra cãi vã, xô xát với nhau. Ông Đ có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên hay đánh đập bà N. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2011 cho đến nay. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra nhiều lần và kéo dài, vợ chồng không chung sống với nhau một thời gian dài song bà N vẫn còn tình cảm với ông Đ. Bà N mong muốn gia đình đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Vì vậy bà N không đồng ý ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Văn Q, sinh năm 1986; Hoàng Văn H, sinh năm 1992 và Hoàng Thị H1, sinh năm1992. Hiện nay các con đã đủ tuổi trưởng thành và đã có gia đình riêng nên các con muốn ở với ai thì tùy vào quyết định của con. Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Bà N với ông Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau nhưng các đương sự không thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Ra quyết định xét xử, tống đạt hợp lệ quyết định xét xử và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với các đương sự trong quá

trình giải quyết vụ án chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Vụ kiện giữa nguyên đơn ông Hoàng Văn Đ và bị đơn bà Hoàng Thị N là vụ kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn bà Hoàng Thị N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm khoản 2 Điều 227 của bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà N

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tòa án nhận thấy ông Hoàng Văn Đ và bà Hoàng Thị N chung sống trên cơ sở tình yêu và tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 1977, nhưng không đăng ký kết hôn. Mặc dù ông Đ bà N không đăng ký kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ chồng trước ngày 3/1/1987 là hôn nhân thực tế, hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại điểm a khoản 3 nghị quyết số 35/2000/ QHK10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội. Quá trình chung sống, do bất đồng về quan điểm sống, lối sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, hay xảy ra cãi vã, vợ chồng hay xảy ra xô xát với nhau, và tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên ông Đ với bà N đã sống ly thân với nhau từ năm 2011 cho đến nay. Ông Đ kiên quyết yêu cầu ly hôn với bà N. Điều này chứng tỏ tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên cần chấp nhận xử cho ông Đ được ly hôn với bà N.

[4] Về con chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra để giải quyết

[5] Về chia tài sản và nợ: ông Đ và bà N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra giải quyết trong vụ án này về phần chia tài sản và phần nợ. Tuy nhiên, nếu sau này giữa có phát sinh tranh chấp về chia tài sản và nợ mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 47 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, Điều 203 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; năm 2015; Điều 85; Điều 89, Điều 91 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2000; điểm a khoản 3 nghị quyết số 35/2000/ QHK10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân***:** Xử cho ông Hoàng Văn Đ được ly hôn với bà Hoàng Thị N.

- *Về nuôi con chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Ông Hoàng Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0006418 ngày 13/6/2018.

- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Hoàng Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn bà Hoàng Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Thành Huế

Nơi nhận:
- VKS huyện EaSúp;
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện E;
- UBND xã I;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.